

Số: /BC-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm,
nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2024**

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Về chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách hành chính (CCHC), xây dựng nền hành chính phục vụ, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Trọng tâm là:

- Ban hành các kế hoạch để cụ thể hóa, phân công nhiệm vụ cho các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nội dung, công việc trong CCHC năm 2024 trên địa bàn tỉnh, gồm: Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024¹; Kế hoạch CCHC²; Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)³; Kế hoạch Chuyển đổi số⁴; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh⁵; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh⁶; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh⁷... Kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC cấp tỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn và nâng cao hiệu quả trong thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả: Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Nghị quyết số

¹ Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 28/12/2023.

² Quyết định số 4951/QĐ-UBND ngày 25/12/2023.

³ Quyết định số 4884 /QĐ-UBND ngày 21/12/2023.

⁴ Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 20/12/2023.

⁵ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/01/2024.

⁶ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 31/1/2024.

⁷ Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 15/2/2024.

35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030⁸; Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý⁹.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công¹⁰ và chất lượng công tác quản lý ngân sách trong việc thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên¹¹. Thực hiện nghiêm việc phối hợp giải quyết công việc và thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh¹². Thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2024¹³. Điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước chủ động, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, rà soát, cắt giảm các nhiệm vụ chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai,... dành nguồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ cấp bách khác trong bối cảnh nguồn thu ngân sách có nhiều khó khăn.

- Triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) tại các bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp¹⁴. Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách TTHC, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tăng cường tuyên truyền TTHC, mở rộng triển khai phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh kiến nghị của tổ chức, công dân.

- Tiếp tục xây dựng, cập nhật Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số¹⁵; tổ chức triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050¹⁶; triển khai thực hiện

⁸ Công văn số 839/UBND-THKH ngày 17/01/2024; Phương án số 25/PA-UBND ngày 22/01/2024; Công văn số 1926/UBND-THKH ngày 06/02/2024; Công văn số 2866/UBND-THKH ngày 05/3/2024; Công văn số 3377/UBND-THKH ngày 13/3/2024; Công văn số 5174/UBND-THKH ngày 15/4/2024;...

⁹ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024.

¹⁰ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 26/01/2024; Công điện số 09/CĐ-UBND ngày 17/5/2024.

¹¹ Công văn số 7599/UBND-THKH 30/5/2024.

¹² Công văn số 6665/UBND-THKH 14/5/2024.

¹³ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 26/01/2024.

¹⁴ Công văn số 7280/UBND-KSTTHCNC ngày 24/5/2024.

¹⁵ Công văn số 243/UBND-CN ngày 05/01/2024.

¹⁶ Công văn số 992/UBND-THKH ngày 19/01/2024.

Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” năm 2024 trên địa bàn tỉnh¹⁷.

- Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các ngành, các cấp và trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động của cơ quan, địa phương, đơn vị; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, công dân trong giải quyết hồ sơ, TTHC¹⁸; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin, nâng cao hiệu quả trong thực thi công vụ.

- Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh, căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, đã chủ động ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, 100% các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã ban hành Kế hoạch CCHC năm 2024, Kế hoạch kiểm tra để triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

- Về kiểm tra công tác CCHC: Thực hiện Kế hoạch CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024¹⁹, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC và kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024²⁰. Theo Kế hoạch, sẽ tiến hành kiểm tra CCHC tại 18 đơn vị; trong đó, có 06 đơn vị cấp sở; 10 đơn vị cấp huyện, 02 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm, đã tiến hành kiểm tra CCHC tại 02 đơn vị cấp huyện²¹.

2. Về công tác tuyên truyền CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC luôn được các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh quan tâm chú trọng, là một trong những nhiệm vụ chính và thường xuyên trong Kế hoạch CCHC và các văn bản chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền. Các cơ quan, đơn vị thực hiện lựa chọn, áp dụng các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng đảm bảo tính đa dạng, phong phú và hiệu quả, điển hình như: Tuyên truyền trực tiếp, thông qua các cuộc họp, tập huấn nghiệp vụ; sử dụng hệ thống loa phát thanh tại địa phương,... với nội dung ngày càng phong phú, thiết thực như giải quyết hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; hóa đơn điện tử;...

¹⁷ Công văn số 896/UBND-THKH ngày 17/01/2024.

¹⁸ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 24/02/2024.

¹⁹ Quyết định số 4951/QĐ-UBND ngày 25/12/2023.

²⁰ Kế hoạch số 1075/KH-SNV ngày 25/12/2023, Kế hoạch số 84/KH-SNV ngày 25/01/2024 của Sở Nội vụ.

²¹ 02 huyện: Mường Lát và Thường Xuân.

Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh cấp huyện thường xuyên viết, đưa tin, bài về CCHC; Trang thông tin điện tử CCHC của tỉnh tại địa chỉ <https://cchc.thanhhoa.gov.vn> đăng tải 45 tin, bài; các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên đăng tải tin, bài về CCHC trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị gắn với nhiều giải pháp, sáng kiến trong thực tiễn để tuyên truyền, nhân rộng.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2024

- Số nhiệm vụ được giao trong quý II: 21 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 21 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh ban hành 27 văn bản QPPL tập trung vào các lĩnh vực: Đối ngoại; giáo dục và đào tạo; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị;... Sau khi ban hành, 100% văn bản đã được cập nhật vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL Quốc gia.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền được chú trọng thực hiện. Trong 06 tháng đầu năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tự kiểm tra 1.274 văn bản QPPL (do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành); tham gia ý kiến vào 26 dự thảo văn bản của Trung ương, 561 dự thảo văn bản của HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành.

- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trên cơ sở Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2024, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình; tiến hành rà soát các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thống nhất, hiệu quả theo kế hoạch về công tác phổ biến giáo dục, pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh; Đã triển khai sâu rộng đến người dân các đề án “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu thực thi cam kết quốc tế về lao động giai đoạn 2023-2030”, đề án tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; đề án nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật của người dân theo Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính Phủ... tạo sự

chuyển biến tích cực về nhận thức và ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân; góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách TTHC

2.1. Công tác kiểm soát TTHC

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp, các địa phương chủ động rà soát, đề xuất, kiến nghị đơn giản tối đa về hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền; niêm yết công khai và thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, người dân đúng quy định; cập nhật vào bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả TTHC trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn>), Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Việc công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền được thực hiện thường xuyên, đúng quy định. Trên cơ sở các quyết định công bố của các Bộ, ngành Trung ương, trong 06 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 62 quyết định công bố danh mục TTHC (với 99 thủ tục mới ban hành; 354 thủ tục sửa đổi, bổ sung; 120 thủ tục bãi bỏ); tích hợp và nhập dữ liệu 453 TTHC, không công khai 120 TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

- Tiếp nhận 320 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân qua hệ thống phanhoi.thanhhoa.gov.vn. Trong đó, 291 phản ánh, kiến nghị đã được xử lý; 29 phản ánh, kiến nghị đang trong quá trình xử lý đúng thời gian quy định.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. 100% TTHC thuộc thẩm quyền của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã²² và 100% TTHC, nhóm TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp; 556 TTHC thực hiện giải quyết TTHC theo hình thức liên thông cùng cấp; 214 TTHC đang thực hiện giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền; 464 TTHC thực hiện theo cơ chế “4 tại chỗ”.

²² Tính đến 11/6/2024, toàn tỉnh có 2.133 TTHC, trong đó: cấp tỉnh (bao gồm cả cơ quan ngành dọc): 1.556; cấp huyện 323; cấp xã 254.

- Duy trì và thực hiện 982 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 720 dịch vụ công trực tuyến một phần; tất cả dịch vụ công đã được nhập đường link trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, được công khai và kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định. Phê duyệt danh mục 167 TTHC cắt giảm thời gian giải quyết khi nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến so với hình thức trực tiếp/bưu chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa²³.

- Việc ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC được các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện kịp thời, chủ động phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh triển khai quy trình điện tử áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; đảm bảo 100% các TTHC thuộc thẩm quyền của mỗi cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) sau khi công bố đều có quy trình nội bộ và quy trình điện tử để thực hiện trên Hệ thống. Toàn bộ 100% hồ sơ TTHC do cơ quan hành chính nhà nước tiếp nhận, giải quyết được công khai tiến độ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và Cổng Dịch vụ công Quốc gia; 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 03 cấp chính quyền được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa các cấp.

- Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt công tác “Gắn kết việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Bộ phận một cửa tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác”. Bộ phận Một cửa các cấp đều đã thực hiện số hóa thông tin hồ sơ, kết quả giải quyết, được lưu giữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Cổng dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ dữ liệu lên Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng yêu cầu tái sử dụng dữ liệu theo quy định. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp về công tác số hóa hồ sơ, đồng bộ dữ liệu liên thông từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh sang Hệ thống cơ sở dữ liệu của một số các bộ ngành, như: Hệ thống dữ liệu cấp đổi Giấy phép lái xe (Bộ Giao thông vận tải), Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch, Hệ thống cấp phiếu Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp),... góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc, giảm bớt các thao tác xử lý trên các phần mềm.

- Nâng cao tính chủ động trong đổi mới, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động của Bộ phận một cửa. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã hỗ trợ phổ cập tài liệu miễn phí, hệ thống tin nhắn tự động SMS, thư điện tử thông báo tình trạng giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân; hỗ trợ thanh toán phí, lệ phí qua nhiều cách thức: trực tiếp, chuyển khoản ngân hàng, quét mã QR Pay,

²³ Quyết định 1810/QĐ-UBND ngày 06/5/2024.

quẹt thẻ ATM, thẻ tín dụng. Tiếp tục phối hợp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (BIDV) hướng dẫn, hỗ trợ công dân tạo tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, mở tài khoản ngân hàng để giao dịch thanh toán trực tuyến; phối hợp với Chi nhánh Viettel Thanh Hóa và Trung tâm kinh doanh Vinaphone, VNPT Thanh Hóa hỗ trợ trực tiếp cho công dân đăng ký SIM chính chủ đối với trường hợp công dân sử dụng SIM chưa chính chủ để tạo tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh nhằm thuận lợi cho việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Qua tổng hợp số liệu báo cáo của 27 huyện, thị xã, thành phố và 19 sở, ban, ngành cấp tỉnh, tính đến ngày 11/6/2024, toàn tỉnh có tổng số hồ sơ tiếp nhận là: 517.417 hồ sơ (Trong đó: Tiếp nhận trực tuyến 349.557 hồ sơ); đã giải quyết 499.670 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 497.922 hồ sơ (đạt tỷ lệ 99,65%).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022 - 2026; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Trên cơ sở đó, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025, Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, Chi cục Dân số trực thuộc Sở Y tế Thanh Hóa; Trung tâm Dữ liệu thông tin tài nguyên và môi trường, trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn...); phê duyệt Đề án sáp nhập Hạt giao thông thị xã Nghi Sơn vào Trung tâm Quản lý Hạ tầng, Môi trường và Hỗ trợ đầu tư²⁴; thực hiện ủy quyền cho Sở Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với cơ quan, tổ chức hành chính²⁵; thực hiện ủy quyền các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định phê duyệt vị trí việc làm, phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm

²⁴ Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 22/01/2024.

²⁵ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 08/3/2024.

một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý²⁶.

- Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý²⁷. Thực hiện đúng quy trình, thủ tục trong việc xem xét cho thành lập mới, phê duyệt điều lệ và tổ chức đại hội, hội nghị nhiệm kỳ của các hội²⁸; kiểm tra, hướng dẫn hoạt động của tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp: Năm 2024, biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của các sở, cơ quan ngang sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được giao là 3.644 biên chế, có mặt tại thời điểm báo cáo là 3.382 biên chế (thấp hơn số giao 262 biên chế). Số lượng người làm việc của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao là 62.574 người có mặt tại thời điểm báo cáo là 58.392 người (thấp hơn số giao là 4.182 người)²⁹. Số lượng người làm việc của các hội đặc thù cấp tỉnh là: 78 người và 01 định suất lương (bằng số giao).

4. Cải cách chế độ công vụ

Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã công nhận kết quả trúng tuyển cho 604 viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh (trong đó: giáo dục 479 người, y tế: 77 người; ngành khác 48 người). Tiếp nhận 08 viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận vào làm công chức đối với 45 người; thống nhất 01 trường hợp công chức tỉnh ngoài về công tác tại tỉnh.

- Phê duyệt đối tượng và kinh phí trợ cấp một lần đối với Công an xã theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ cho 33 người³⁰ và cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư cho 135 người³¹. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 năm 2024 đối với 145 người³² (khối Đảng, đoàn thể: 01 người; khối hành chính cấp tỉnh: 49 người; khối sự nghiệp: 95 người).

²⁶ Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 07/3/2024.

²⁷ Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 28/02/2024.

²⁸ Tổ chức Đại hội: Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi huyện Triệu Sơn, Hội truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh thành phố Thanh Hóa...; cho phép thành lập Hội Cựu giáo chức huyện Như Xuân, Hội sản xuất và kinh doanh tôm nõn Hậu lộc, Hội Hữu nghị Việt Nam - Mỹ tỉnh Thanh Hóa; phê duyệt Điều lệ Hội Tâm năng dưỡng sinh - Phục hồi sức khỏe thành phố Sầm Sơn,...

²⁹ Ban Tổ chức Trung ương giao bổ sung 2.654 biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tại Quyết định 2391-QĐ/BTCTW ngày 06/12/2023.

³⁰ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 23/5/2024.

³¹ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 23/01/2024.

³² Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 05/01/2024.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2024³³; thực hiện các quy định về thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức³⁴ và các chế độ chính sách, chức danh nghề nghiệp đối với đội ngũ nhân viên trường học³⁵; hướng dẫn việc xây dựng, quyết định kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên; tiếp tục triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được tăng cường từ cấp tỉnh đến cơ sở. Ngay từ đầu năm, các cấp, các ngành, các địa phương đã nghiêm túc quán triệt, chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tập trung xử lý công việc, bám sát chủ đề công tác năm “Kỷ cương - Trách nhiệm - Hành động - Sáng tạo - Phát triển” và quan điểm chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh “Trách nhiệm, nỗ lực, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả; tạo chuyển biến thực sự rõ nét trên tất cả các lĩnh vực, địa bàn; phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024”; bám sát tình hình thực tiễn, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh; tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức quản lý, điều hành bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, hiệu quả.

5. Cải cách tài chính công

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tiễn của từng ngành, từng đơn vị để giảm chi thường xuyên và cơ cấu lại ngân sách nhà nước; thúc đẩy sự tham gia của các thành phần trong xã hội vào việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đồng thời giảm áp lực lên ngân sách nhà nước.

- Quán triệt yêu cầu triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách nhà nước, nhất là chi thường xuyên ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản

³³ Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 19/01/2024.

³⁴ Công văn số 19179/UBND-THKH ngày 19/12/2023.

³⁵ Công văn số 19823/UBND-THKH ngày 29/12/2023.

lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm hiện hành để xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện. Bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ; chủ động sắp xếp, xử lý để triển khai các nhiệm vụ được giao phát sinh trong năm dự toán; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán được giao, hủy dự toán hoặc chuyển nguồn sang năm sau.

- Thành lập các Tổ công tác³⁶ thực hiện kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án thuộc các địa phương, lĩnh vực được giao theo dõi, phụ trách và chỉ đạo thực hiện các giải pháp cụ thể để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các chủ đầu tư, nhà thầu thi công. Đã trình HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn tăng thu ngân sách Trung ương theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa; đẩy mạnh quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước; giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; ban hành Quy định định mức tỷ lệ chi phí quản lý chung để xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương (nguồn vốn dự bị động viên) giai đoạn 2021 - 2025 và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2)³⁷.

- Tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên; bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội, y tế, môi trường, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ,... theo quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa³⁸...

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số theo Đề cương Kiến trúc Chính

³⁶ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 26/01/2024.

³⁷ Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 03/4/2024.

³⁸ Công văn số 1007/UBND-THKH ngày 27/01/2023.

quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa; thực hiện tốt việc sử dụng văn bản điện tử; phát huy hiệu quả hệ thống truyền hình trực tuyến của tỉnh tại hơn 621 điểm cầu³⁹.

- Trục tích hợp nội tỉnh LGSP, liên thông các phần mềm ứng dụng dùng chung, các phần mềm chuyên ngành trên địa bàn tỉnh, được kết nối liên thông với hệ thống của quốc gia, phạm vi gửi, nhận văn bản liên thông 04 cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã; tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng dữ liệu mở của tỉnh với 240 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai các dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư từ cấp tỉnh đến cấp xã, từng bước đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng; Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu luôn bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7 cho hệ thống công nghệ thông tin dùng chung.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tiếp tục duy trì và đảm bảo kết nối với CSDL Quốc gia dân cư giúp người dân khi thực hiện các dịch vụ công không phải khai báo lại thông tin cá nhân và thời gian thực hiện các dịch vụ công được nhanh chóng, chính xác và thuận lợi. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi. Hiện nay, 100% các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh đã triển khai thanh toán phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt và sử dụng hóa đơn điện tử; đã triển khai ứng dụng VssID (Bảo hiểm xã hội số); hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế (BHYT) tại 100% cơ sở khám chữa bệnh; hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình.

- Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đã được chuyển đổi sang địa chỉ IPv6, cung cấp 720 dịch vụ công trực tuyến một phần và 982 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia 1.720 dịch vụ công trực tuyến một phần và dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã được kết nối với Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh, phục vụ việc xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng được thực hiện tại 100% các cơ quan hành chính và hơn 150 đơn vị sự nghiệp của tỉnh; đã cấp hơn 1.100 chứng thư số cá nhân. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản đi trên hệ thống: 586.786/587.857

³⁹ Trong đó có 14 điểm cầu cấp tỉnh, 48 điểm cầu cấp huyện, 559 điểm cầu cấp xã.

đạt 99,82 %; tỷ lệ ký số (cá nhân, cơ quan) đạt trên 99%, giúp cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị được công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong cơ quan nhà nước các cấp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; tập trung rà soát các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành; rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định trên các lĩnh vực về: thu hút đầu tư; hỗ trợ doanh nghiệp; cạnh tranh bình đẳng; tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; tài chính ngân sách; xây dựng; giao thông, y tế; giáo dục đào tạo;... Tăng cường theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức và thi hành pháp luật.

2. Tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; giải quyết tốt các TTHC, bảo đảm duy trì tỷ lệ giải quyết đúng hạn từ 98% trở lên; thực hiện rà soát, đưa 100% hồ sơ TTHC đủ điều kiện được giải quyết trực tuyến toàn trình, trực tuyến một phần. Chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa và dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật. Triển khai hiệu quả Đề án vị trí việc làm; thực hiện tốt Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, giai đoạn 2022 - 2026.

4. Quản lý chặt chẽ biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực; đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc quản lý chi tiêu công để tránh thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước. Tổ chức thực hiện chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, bảo đảm phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách và cấp dưới theo đúng thời hạn và quy định của Luật Ngân sách nhà

nước và các văn bản hướng dẫn. Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh dự toán chi theo quy định; chủ động cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết; đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới cơ chế phân bổ chi thường xuyên; tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển.

6. Thường xuyên rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, đảm bảo hoạt động hiệu quả, thông suốt, đáp ứng yêu cầu của công tác thông tin báo cáo. Xây dựng hệ thống dữ liệu hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

7. Tích cực tuyên truyền công tác CCHC dưới nhiều hình thức; trong đó, chú trọng các giải pháp tuyên truyền để người dân, tổ chức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công tác CCHC gắn với việc thực hiện văn hóa công sở, đạo đức công vụ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, THKH, KSTTHC-NC, CNTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Biểu mẫu 1				
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	36	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	44,7	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	47	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	21	26 nhiệm vụ còn lại đang trong thời gian triển khai thực hiện.
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Đơn vị đang trong thời gian xử lý vấn đề qua kiểm tra
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	02	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	08	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	

4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã tổ chức 02 cuộc thanh tra đối với 04 đơn vị. Hiện tại, kết luận thanh tra đang được hoàn thiện, sau khi ban hành sẽ là cơ sở để các đơn được thanh tra căn cứ, triển khai thực hiện.
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	04	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	85	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	17	Các nhiệm vụ còn lại đang trong thời gian thực hiện theo tiến độ.
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	7.041	Kế hoạch 656/KH-SNV ngày 12/9/2023 của Sở Nội vụ.
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng, doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	27	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	27	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	24	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	69	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	453	99 TTHC mới; 354 TTHC sửa đổi, bổ sung.
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	120	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.133	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.556	1.498 TTHC cấp tỉnh; 58 TTHC cơ quan khác
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	323	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	254	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	556	

2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	214	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	10	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	238.146	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	238.144	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,89	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	23.552	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	23.292	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,37	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	237.972	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	236.486	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	90,94	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	320	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	291	29 PAKN còn lại đang trong thời gian xử lý theo quy định.

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	134	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	2.181	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	14	

1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	227	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	1.940	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	11,2	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	3.644	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	3.382	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	Thanh Hóa đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính.
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	49	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,5	Tính lũy kế đến thời điểm báo cáo.
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	62.574	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	58.392	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	95	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,8	Tính lũy kế đến thời điểm báo cáo.

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	608	19 sở, ngành, đơn vị; 27 huyện, thị xã, thành phố; 558 xã, phường, thị trấn.
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	2.181	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	45	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	01	Tiếp nhận công chức từ tỉnh ngoài về công tác tại tỉnh.

2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	604	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	08	Tiếp nhận viên chức từ tỉnh ngoài về công tác tại tỉnh.
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
VI.	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	45,4	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	12.469.022	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5.663.347	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	2.181	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	46	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	194	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	35	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	28	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	131	

2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.940	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyên đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	-	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo cải cách hành chính	
			Số liệu	Ghi chú
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Quyết định số 5447/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 22/12/2020 phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	621 điểm cầu (14 điểm cầu của khối các cơ quan cấp tỉnh, 48 điểm cầu cấp huyện; 559 điểm cầu tại UBND cấp xã)
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	

4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Địa chỉ: https://lgsp.thanhhoa.gov.vn
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	99,82	Số lượng gửi đi 586.786/587.857 văn bản
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	99,74	Số lượng gửi đi 112.593/112.881 văn bản
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	99,83	Số lượng gửi đi 196.991/197.329 văn bản
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	99,84	Số lượng gửi đi 277.202/277.647 văn bản
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin			

	một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
6.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	982	
6.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	982	
6.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
6.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	372	
6.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	372	
6.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	94,71	
6.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	140.686	
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các	Hồ sơ	133.237	

	DVCTT toàn trình			
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	98,43	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	219.769	
6.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	216.320	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	525	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	525	